

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng			% Tổng điểm
			Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao			TN	T L	Thờ i gian	
			T N K Q	T L	Thờ i gian	T N K Q	T L	Thờ i gian	T N K Q	T L	Thờ i gian	T N K Q	T L	Thờ i gian				
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích), Thơ lục bát, Kí(Hồi kí và du kí), Văn bản nghị luận, Văn bản thông tin.	3	0		5	0		0	2		0			8	2		60
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm	0	1*		0	1*		0	1*		0	1*			1		40
Tổng			15	5		25	15		0	30		0	10		8	3		
Tỉ lệ %			20%			40%			30%			10%						100%
Tỉ lệ chung			60%						40%									

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	3 TN	5TN	2TL	

			- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. - Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.				
		Truyện đồng thoại, truyện ngắn	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn				

			bản. Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.				
		Thơ lục bát	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp				
		Văn nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng				

			của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản.				
		Văn bản thông tin	Nhận biết: - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản. - Nhận biết được cách thức mô tả vấn đề, tường thuật lại sự kiện trong văn bản thông tin. - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản. - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn. - Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản. - Trình bày được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thuật lại một sự kiện với mục đích của nó. - Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...). - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản. - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản.				
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng:				1*

	tượng xã hội mà mình quan tâm	Vận dụng cao: Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.				
Tổng			3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %			20	40	30	10
Tỉ lệ chung			60		40	

ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Thực hiện các yêu cầu

MẸ

Lặng rồi cả tiếng con ve
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi
 Nhà em vẫn tiếng ả đời
 Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru
 Lời ru có gió mùa thu
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
 Những ngôi sao thức ngoài kia
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
 Đêm nay con ngủ giấc tròn
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.
 (Trần Quốc Minh)

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ.

B. Năm chữ.

C. Lục bát.

D. Tự do.

Câu 2: Bài thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào ?

A. Tự sự.

B. Biểu cảm.

C. Miêu tả.

D. Nghị luận.

Câu 3: Người được nhắc đến trong bài thơ là ai?

A. Tác giả.

B. Bà ngoại.

C. Mẹ.

Câu 4: Câu thơ nào cho biết đêm hè rất oi ả?

A. Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.

C. Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.

Câu 5: Thời tiết trong bài thơ có đặc điểm gì?

A. Rất mát mẻ .

B. Oi bức, nóng nực.

D. Em bé.

B. Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.

D. Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

Câu 6: Hình ảnh mẹ thức vì con được so sánh với điều gì?

A. Còn hơn cả mặt trời rực nắng.

B. Hơn cả những vì sao đang thức trên bầu trời.

C. Tròn trịa và đẹp đẽ hơn ánh trăng.

D. Như cơn gió mùa thu.

Câu 7: Dòng nào giải thích đúng nhất nghĩa của từ “ nắng oi” ?

A. Nắng nóng, không có gió, rất khó chịu.

B. Nắng, có gió mát.

C. Vừa nắng vừa mưa.

D. Vừa nắng vừa râm mát

Câu 8: Nội dung chính của bài thơ nói lên điều gì?

A. Thời tiết nắng nóng khiến cho những chú ve cảm thấy mệt mỏi.

B. Nỗi vất vả, cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho con.

C. Mẹ phải làm việc vất vả để có tiền nuôi con ăn học.

D. Bạn nhỏ đã biết làm những việc vừa sức mình để giúp đỡ mẹ.

Câu 9: Từ những câu thơ trên, em cảm nhận như thế nào về vai trò và tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta?

Câu 10: Em hãy rút ra bài học về bốn phận và trách nhiệm của đạo làm con sau khi đọc bài thơ trên.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về nhận xét sau: “ Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất của mỗi con người”.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	B	0,5

	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	Nội dung: Học sinh nêu được những cảm nhận của mình về bài thơ không vi phạm những chuẩn mực đạo đức và pháp luật HS có thể cảm nhận về vai trò và tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta: - Em cảm thấy hạnh phúc và sung sướng khi được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ - Tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta thật thiêng liêng và cao thượng...	1,0
	10	Bổn phận và trách nhiệm - Chúng ta cần chăm ngoan học giỏi hiểu thảo nghe lời cha mẹ - Luôn khắc ghi công ơn sinh thành và nuôi dưỡng... Hướng dẫn chấm: Học sinh nêu lên những suy nghĩ, quan điểm cá nhân nên giáo viên cần tôn trọng. Nếu học sinh mắc lỗi diễn đạt và lỗi chính tả thì tùy số lượng giáo viên sẽ trừ điểm.	1.0

PHẦN VIẾT

Tiêu chí đánh giá	Mức độ				
	Mức 5 (Xuất sắc) (3.6-4đ)	Mức 4 (Giỏi) (3-3.5đ)	Mức 3 (Khá) (2.5-2.9đ)	Mức 2 (Trung bình) (2-2.4đ)	Mức 1 (Yếu) (Dưới 2đ)
Tri thức về kiểm văn bản	Xác định đúng vấn đề nghị luận.	Xác định tương đối chính xác vấn đề nghị luận.	Xác định được vấn đề nghị luận, song còn mơ hồ, chưa cụ thể.	Xác định vấn đề nghị luận chưa chính xác hoàn toàn.	Không xác định được vấn đề nghị luận.
Quan điểm, tư tưởng, tình cảm thể hiện trong văn bản	Thể hiện sâu sắc quan điểm, tình cảm của người viết. - Đặt ra những vấn đề có ý nghĩa, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	- Thể hiện khá tốt quan điểm, tình cảm của người viết. - Đặt ra những vấn đề có ý nghĩa, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	Có thể hiện quan điểm, tình cảm của người viết. - Đặt ra được những vấn đề phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	Có thể hiện quan điểm, tình cảm của người viết nhưng còn mờ nhạt. - Đặt ra được những vấn đề phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	Chưa thể hiện quan điểm, tình cảm của người viết. - Có những nhận thức lệch lạc, chưa phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

Triển khai vấn đề cần nghị luận	Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; dẫn chứng phong phú, phù hợp. - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai vấn đề, kết bài khái quát vấn đề. - Giới thiệu vấn đề hấp dẫn/ Triển khai vấn đề đầy đủ, đúng, hấp dẫn, thuyết phục từ việc giải thích đến phân tích, mở rộng và kết thúc vấn đề.	Vận dụng tương đối đa dạng các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; dẫn chứng nhiều song chưa thật phù hợp. - Đảm bảo cấu trúc 3 phần của bài văn nghị luận: mở bài, thân bài, kết bài. - Giới thiệu đúng vấn đề/ Triển khai vấn đề khá đầy đủ, thuyết phục từ việc giải thích đến phân tích, mở rộng và kết thúc vấn đề.	- Sử dụng các thao tác lập luận phù hợp; có lí lẽ và dẫn chứng song còn sơ sài, đôi chỗ chưa thuyết phục. - Đảm bảo cấu trúc 3 phần của bài văn nghị luận: mở bài, thân bài, kết bài. - Giới thiệu đúng vấn đề / Triển khai vấn đề một vài chỗ chưa đầy đủ, từ việc giải thích đến phân tích, mở rộng và kết thúc vấn đề.	Kết hợp chưa tốt các thao tác lập luận; lí lẽ và dẫn chứng có đưa vào song còn rời rạc, nhiều chỗ chưa thuyết phục. - Bài viết chưa đảm bảo cấu trúc 3 phần - Giới thiệu đúng vấn đề / Triển khai vấn đề sơ sài, từ việc giải thích đến phân tích, mở rộng và kết thúc vấn đề.	Chưa biết kết hợp các thao tác lập luận; lí lẽ thiếu thuyết phục; không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng sai lệch, không thuyết phục. - Bài viết không có cấu trúc rõ ràng; chưa tổ chức được các đơn vị kiến thức thành bài văn hoàn chỉnh. - Giới thiệu đúng vấn đề/ Triển khai vấn đề quá sơ sài, từ việc giải thích đến phân tích, mở rộng và kết thúc vấn đề.
Diễn đạt	Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp	Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ	Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng.	Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt.	Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt
Trình bày	Trình bày rõ bố cục của bài văn; sạch đẹp, không gạch xóa	Trình bày rõ bố cục của bài văn; rõ ràng, không gạch xóa.	Trình bày bố cục của bài văn; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xóa.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xóa.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa
Sáng tạo	Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc	Có cách cảm nhận mới mẻ, thể hiện được những suy nghĩ về vấn đề nghị	Có cách diễn đạt khá ấn tượng, thể hiện sự am hiểu về	- Cách diễn đạt chưa để lại ấn tượng, suy nghĩ về	Chưa có cách diễn đạt mới mẻ, chưa thể hiện suy

	về vấn đề nghị luận..	luận.	vấn đề nghị luận.	vấn đề nghị luận mờ nhạt, chung chung.	nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.
--	-----------------------	-------	-------------------	--	-----------------------------------